

TRIỂN VỌNG PHÁT TRIỂN CÂY TRÚC LIỄU HOA KỲ Ở VIỆT NAM

NGUYỄN CÔNG TẠM

Trường Đại học Thành Tây

Trúc liễu là cây lấy gỗ thuộc chi liễu, họ liễu (Salicaceae), là tổ hợp lai có chứa các gen tốt từ nhiều loài Liễu và Trúc của Hoa Kỳ, Triều Tiên và Trung Quốc. Tại Việt Nam, qua nghiên cứu tác giả cho rằng, việc phát triển Trúc liễu có ý nghĩa lớn cả về kinh tế, sinh thái và xã hội; theo tính toán sau một chu kỳ 5 năm trồng, 1 ha Trúc liễu cho lợi nhuận cao gấp hơn 20 lần so với trồng keo lai hay bạch đàn lai.



Cây trúc liễu Hoa Kỳ

Đặc điểm hình thái, sinh thái của cây Trúc liễu

Trúc liễu có tiềm năng tăng trưởng lớn, cao trên 20 m. Vỏ cây non màu xanh, trơn nhẵn, ưu thế phát triển ngọn mạnh, khả năng phát triển chồi nách tốt. Góc cành và chồi chỉ 30-40°, tán hình tháp, phân cành đều. Lá hình mác, lá đơn mọc xen kẽ, phiến lá dài 15-22 cm, rộng 3,5-6,2 cm, ngọn lá dài, nhọn dần, mép lá có răng cưa nhỏ và rõ, mặt trên phiến lá màu xanh, mặt dưới màu trắng đục, cuống lá hơi đỏ, ngắn. Rễ cái sâu, rễ ngang và rễ chùm phân bố đều ở các lớp đất, giữ đất tốt.

Trúc liễu là loài cây có phổ thích nghi rất rộng, chỉ cần điều kiện lập địa có đủ nước trong thời kỳ sinh trưởng là có thể sinh trưởng, phát triển bình thường. Trúc liễu chịu rét và có sức đề kháng tốt, có thể chịu được điều kiện nhiệt độ từ -37 đến 40°C, có thể sinh trưởng tốt ở ven sông hồ và điều kiện ngập nước nông. Trúc liễu có thể sinh trưởng phát triển bình thường từ các vùng đồng bằng đến vùng có độ cao 4.600 m so với mực nước biển, kể cả các loại đất phèn, mặn, bãi biển, bãi sông. Trúc liễu là loài cây ưa ẩm ướt (có thể chịu ngập nước không quá ngọn cây trong 2 tháng), yêu cầu về đất trồng



Trúc liễu đang bắt đầu được trồng tại nhiều nước trong khu vực

không khát khe, ưa đất có nhiều chất hữu cơ, có thể sinh trưởng bình thường ở đất có pH từ 5,0 đến 8,5, độ mặn < 8 ‰.

Cường độ và hiệu suất quang hợp của Trúc liễu rất cao, đảm bảo nhu cầu tăng trưởng với tốc độ nhanh và hàm lượng xenlulo cao của cây.

Giá trị kinh tế, sinh thái và xã hội

Trúc liễu là cây lấy gỗ thế hệ mới, có tác dụng bảo vệ môi trường sinh thái

Tốc độ tăng trưởng nhanh: cây sau khi trồng 1 năm có chiều cao 5-8 m, đường kính thân 2-3 cm; sau 5 năm cây cao 30 m, đường kính thân 20-30 cm; chu kỳ khai thác có thể là 1-2 năm phục vụ lấy gỗ nhỏ; 2-3 năm lấy cây gỗ vừa và 5-6 năm lấy cây gỗ lớn.

Năng suất cao: mật độ trồng từ 5.000 đến 40.000 cây/ha tùy theo mục đích sử dụng. Nếu trồng ươm giống, có thể tới 200 hom/m² tức 2 triệu cây/ha, với hom giống dài khoảng 10-12 cm, khi trồng làm nguyên liệu giấy có thể trồng với mật độ từ 5.000 đến 15.000 cây/ha, trồng 1 năm năng suất gỗ đạt trên 300 m³/ha. Rừng trồng 5 năm tuổi, sinh khối gỗ 1 cây đạt 0,4-0,5 m³, năng suất khai thác trắng đạt 1.500-2.500 m³/ha/chu kỳ.

Chất lượng gỗ tốt: gỗ trắng, thớ mịn, không rỗng ruột, không lõi đen, cường độ chịu lực cao, đạt các tiêu chuẩn gỗ nguyên liệu cao cấp.

Bảo vệ và cải thiện môi trường sinh thái: cải thiện môi trường vùng đất mặn, phèn, có thể trồng ven bờ đê, sông; chống bão, ngăn cát bay; cải tạo đất

và môi trường có chất thải bị ô nhiễm, kể cả chất độc kim loại nặng; làm đẹp cảnh quan ven đường, ven khu dân cư, công viên, khu nghỉ dưỡng, khu du lịch...

Được sử dụng rộng rãi làm nguyên liệu cho các ngành công nghiệp

Sản xuất bột giấy: gỗ Trúc liễu có chất lượng tốt, có thể dùng để sản xuất bột giấy cao cấp, tiết kiệm chất tẩy trắng và khử ô nhiễm môi trường, hiệu suất thu hồi bột cao, giảm giá thành sản xuất bột giấy.

Sản xuất các sản phẩm gỗ cao cấp như: ván MDF, ván sợi ép, ván ép thanh, gỗ xây dựng, đồ gỗ gia dụng chất lượng cao.

Sản xuất viên nén gỗ: thay thế một phần việc sử dụng than đá trong các nhà máy nhiệt điện, giảm thiểu hiệu ứng nhà kính, bảo vệ môi trường. Trong tương lai có thể sản xuất nhiều loại nhiên liệu tái tạo khác để thay thế nguyên liệu truyền thống.

Triển vọng phát triển cây Trúc liễu ở Việt Nam

Về điều kiện tự nhiên: diện tích đất lục địa của Việt Nam là 33.095.000 ha, trong đó đất lâm nghiệp 15.366.500 ha, gồm 7.431.900 ha rừng sản xuất, 5.795.500 ha rừng phòng hộ và 2.139.100 ha rừng đặc dụng. Đất chưa sử dụng còn 3.164.300 ha, trong đó đất bằng chưa sử dụng là 237.700 ha, đất đồi núi chưa sử dụng là 2.632.700 ha (theo số liệu năm 2010 diện tích rừng trồng là 3.083.300 ha). Trong tổng số 7,4 triệu ha đất rừng sản xuất có 3,1 triệu ha rừng trồng và gần 3 triệu ha đất chưa sử dụng.

Về điều kiện khí hậu: với điều kiện nhiệt độ trung bình tháng ở khắp các vùng của Việt Nam dưới 30°C, lượng mưa các vùng 1.400-1.600 mm/năm, độ ẩm cao, số giờ nắng các vùng từ 1.465-2.650 giờ/năm, đảm bảo yêu cầu sinh thái để phát triển cây Trúc liễu.

Nhu cầu thị trường

Việt Nam đang phát triển mạnh hai ngành công nghiệp giấy, công nghiệp gỗ. Theo quy hoạch, đến năm 2020 ngành sản xuất giấy sẽ sản xuất 1,8 triệu tấn bột giấy và 3,6 triệu tấn giấy. Ngành sản xuất ván MDF, HDF, ván sợi, ván ép, gỗ xẻ, đồ mộc, nhiều hàng thủ công mỹ nghệ cũng đang phát triển mạnh... Hai ngành công nghiệp này hiện đang tiêu thụ khoảng 20 triệu m³ gỗ/năm, đòi hỏi nhu cầu lớn hơn trong tương lai.

Gỗ Trúc liễu có chất lượng cao, tạo sức hấp dẫn đặc biệt với nhiều ngành công nghiệp chế biến có sử dụng nguyên liệu gỗ của Việt Nam, điều này đảm bảo cho gỗ Trúc liễu có thị trường tiêu thụ lớn, tiến tới có thể xuất khẩu gỗ, đồ gỗ, góp phần tăng nguồn thu ngoại tệ cho đất nước. Bên cạnh đó, ngành sản xuất nhiệt điện sẽ sử dụng nhiên liệu tái tạo (viên gỗ nén) thay thế một phần than đá.

Dự kiến nhu cầu than cho sản xuất nhiệt điện đến năm 2030 (triệu tấn) như sau:

Năm	2012	2015	2020	2025	2030
Phương án cơ sở	14,4	33,6	82,8	112,7	181,3
Phương án cao	15,2	38	90,8	144,7	231,3

(Nguồn: Quyết định số 60/QĐ-TTg ngày 9.1.2012)

Theo quy hoạch này, đến năm 2030 cần từ 181,3-231,3 triệu tấn than cung cấp cho sản xuất nhiệt điện. Có thể dùng viên nén gỗ Trúc liễu để thay thế một phần lượng than đá đang sử dụng, góp phần giảm thiểu ô nhiễm môi trường.

Hiệu quả kinh tế

Ở Việt Nam, cây trồng rừng chủ lực chính hiện nay là cây keo lai (BV10, BV16, BV33...), keo tai tượng, các dòng bạch đàn lai (như PN14, U6, UE24...). Các dòng keo lai, bạch đàn lai này có năng suất bình quân 20-40m³/ha/năm, tùy thuộc vào dạng lập địa và mức độ thâm canh. Đơn giá thu mua hiện tại của

gỗ keo lai là 1.000.000 đồng/m³ và 800.000 đồng/m³ cho gỗ bạch đàn lai, như vậy sau 1 chu kỳ trồng rừng (5 năm), một ha keo lai cho lợi nhuận cao nhất là 150.000.000 đồng.

Trong khi đó, theo tính toán cho 1 ha rừng trồng Trúc liễu với mật độ 3.000 cây/ha, sau một chu kỳ khai thác là 5 năm, tiến hành chặt trắng sẽ cho sản lượng gỗ đạt 1.500 m³, với giá bán hiện tại là 2.500.000 đồng/m³ thì 1 ha sau 5 năm sẽ cho doanh thu là 3.750.000.000 đồng (lợi nhuận 3.614.000.000 đồng).

Hạng mục chi	Số lượng	Đơn vị tính	Đơn giá (nghìn đồng)	Thành tiền (nghìn đồng)
Hạng mục	Giống	3.000	cây	17.000
	Công trồng	1	ha	20.000
	Phân bón	1	ha	20.000
	Thuốc bảo vệ thực vật	1	ha	20.000
	Quản lý phí	5	năm	5.000
Doanh thu	1.500	m ³	2.500	3.750.000
Lợi nhuận/chu kỳ 5 năm	= Doanh thu - Chi phí			3.614.000
Lợi nhuận/năm	= Lợi nhuận chu kỳ/5 năm			720.000

Từ sự so sánh ở trên, ta thấy được sự khác nhau rất lớn về hiệu quả kinh tế giữa trồng rừng keo lai, bạch đàn lai với trồng rừng cây Trúc liễu.

Với diện tích đất có khả năng (có thể đạt 1 triệu ha), cùng với điều kiện khí hậu phù hợp, tính theo chu kỳ khai thác 5 năm, mỗi năm chặt trắng 200.000 ha, sẽ thu được 300-400 triệu m³ gỗ/năm, tạo công ăn việc làm cho hàng triệu nông dân vùng đồng bào dân tộc, giải quyết đủ nguyên liệu gỗ để sản xuất giấy, sản phẩm gỗ dân dụng các loại, các loại gỗ xây dựng và hướng tới sản xuất nhiên liệu sinh học tái tạo quy mô lớn, tạo ra ngành hàng sản xuất hàng hóa lớn, cải thiện môi trường sinh thái, góp phần ứng phó với biến đổi khí hậu toàn cầu, tạo bước đột phá lớn chấn hưng kinh tế vùng đồi núi, vùng sâu, vùng xa, vùng biên giới và hải đảo của đất nước ■